

Bát-Nhã Tâm Kinh

Heart Sutra

Taisho vol. 8, No. 251

Translated into Chinese: Hsuan-Tsang
Translated into Vietnamese & English: Nguyễn Tánh



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 251 般若波羅蜜多心經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 251 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 251 Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 251 Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.12 (UTF-8) Normalized Version, Release Date:
2006/04/12

般若波羅蜜多心經

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) Heart Sutra

唐三藏法師玄奘譯

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch

Translated by Tripitaka Master Hsuan-Tsang during the Tang Dynasty

觀自在菩薩行深般若波羅蜜多時，

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa thời，

Quán Tự Tại Bồ Tát khi hành thâm sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa，

When Bodhisattva Free Reflection (Avalokitesvara) practiced the profound

Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom),

照見五蘊皆空，度一切苦厄。 「舍利子！色不異空，

chiếu kiến ngũ uẩn giai không， độ nhất thiết khổ ách。 「Xá-lợi-tử！ sắc bất dị

không，

soi thấy năm uẩn đều không , vượt mọi khổ ách 。 「Xá-lợi-tử ! Sắc chẳng khác không ,

he perceived that the five skandhas (aggregates) are empty in their own nature and, thus, liberated himself from all sufferings and difficulties 。 「Śāriputra ! Form is not different from emptiness ,

空不異色 ; 色即是空 , 空即是色。受、想、行、識 ,

không bất dị sắc ; sắc tức thị không , không tức thị sắc 。 thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức ,

không chẳng khác sắc ; sắc tức là không , không tức là sắc 。 thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức ,

and emptiness is not different from form ; form is emptiness and emptiness is form 。

So are feelings 、 perceptions, volitions and consciousness .

亦復如是。 「舍利子 ! 是諸法空相 , 不生不滅 , 不垢不淨 ,

diệc phục như thị 。 「Xá-lợi-tử ! thị chư pháp không tướng , bất sanh bất diệt , bất cấu bất tịnh ,

cũng lại như vậy 。 「Xá-lợi-tử ! Tướng không ấy của các pháp , không sanh không diệt , không dơ không sạch ,

「Śāriputra ! This sign of emptiness of things is neither created nor destroyed (neither arising nor ceasing) , neither dirty nor pure ,

不增不減。是故 , 空中無色 ,

bất tăng bất giảm 。 thị cố , không trung vô sắc ,

không tăng không giảm 。 vì vậy , trong Không , không sắc ,

neither increasing nor decreasing 。 For this reason , in emptiness there is no form (arūpa)

無受、想、行、識 ; 無眼、耳、鼻、舌、身、意 ; 無色、聲、香、味、觸、法 ; 無眼界 ,

vô thọ 、 tưởng 、 hành 、 thức ; vô nhãn 、 nhĩ 、 tỳ 、 thiệt 、 thân 、 ý ; vô sắc
、 thanh 、 hương 、 vị 、 xúc 、 Pháp ; vô nhãn giới ,
không thọ, tưởng 、 hành 、 thức ; không mắt 、 tai 、 mũi 、 lưỡi 、 thân 、 ý ;
không sắc 、 tiếng 、 hương 、 mùi 、 xúc 、 Pháp ; không nhãn giới ,
no feeling (vedanā), no perception (samjñā) 、 no volition (samskāra) 、 no consciousness
(viññāna) ; no eye 、 no ear 、 no nose 、 no tongue 、 no body 、 no mind ; no form
(arūpa) 、 no sound 、 no smell 、 no taste 、 no sensation 、 no Dharma ; no realm of
sight ,

乃至無意識界；無無明亦無無明盡，
nāi chí vô ý thức giới ; vô vô minh diệt vô vô minh tận ,
cho đến không ý thức giới ; không vô minh cũng không hết vô minh ,
even no realm of consciousness ; no ignorance even no end of ignorance ,

乃至無老死亦無老死盡；無苦、集、滅、道；無智，亦無得。

nāi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận ; vô khổ 、 tập 、 diệt 、 đạo ; vô trí , diệt
vô đắc 。

cho đến không già chết cũng không hết sự già chết ; không khổ 、 tập 、 diệt 、 đạo
; không trí , cũng không đắc 。

even no old age and death (jarāmaraṇa) and no end of old age and death
(jarāmaraṇa) ; no suffering 、 no accumulating 、 no destroying 、 no Way ; no
wisdom and also no attainment 。

「以無所得故，菩提薩埵依般若波羅蜜多故，

「dĩ vô sở đắc cố , Bồ-đề Tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố ,

「Bồi không sở đắc , Bồ-tát nương theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên ,

「Since there is no attainment , therefore the Bodhisattvas depend on
Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) and

心無罣礙；無罣礙故，無有恐怖，遠離顛倒夢想，
tâm vô quái ngại ; vô quái ngại cố , vô hữu khủng bố , viễn ly điên đảo mộng tưởng
,
tâm không bị chướng ngại ; không bị chướng ngại nên không có lo sợ , xa lìa mộng
tưởng điên đảo ,
their mind are not obstructed ; without any obstruction/hindrance , they have no fear,
purge all delusions and inversions ,

究竟涅槃。三世諸佛依般若波羅蜜多故，
cứu cánh Niết Bàn 。 Tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật đa cố ,
cứu cánh Niết Bàn 。 Chư Phật ba đời nương Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên ,
and reach Final Nirvana 。 The Buddhas in three generations had depended on
Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom) to

得阿耨多羅三藐三菩提。 「故知般若波羅蜜多，
đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề 。 「cố tri Bát-nhã Ba-la-mật đa ,
chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác 。 Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa
attain Supreme and Perfect Enlightenment 。 「Therefore it should be known that this
Prajñāpāramitā (Perfect Wisdom)

是大神咒，是大明咒，是無上咒，是無等等咒，
thị đại thần chú , thị đại minh chú , thị vô thượng chú , thị vô đẳng đẳng chú ,
này là đại thần chú , là đại minh chú , là chú vô thượng , là chú không gì sánh bằng ,
is a great magical mantra (spell) , a great bright mantra (spell) and the unsurpassed
mantra (spell) .

能除一切苦真實不虛，故說般若波羅蜜多咒。
năng trừ nhất thiết khổ chân thật bất hư , cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa chú 。

có thể trừ mọi khổ ách, chân thật không sai , Nên nói chú Bát-nhã Ba-la-mật-đa 。
It can liberate from all sufferings, it is true and not false . Thus recite the Prajñāpāramitā
(Perfect Wisdom) mantra (spell) 。

」即說咒曰：

」 tức thuyết chú viết ：

」 nên nói chú rằng ：

」 The mantra (spell) is thus spoken ：

「揭帝 揭帝 般羅揭帝 般羅僧揭帝

「Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế

「Yết đế Yết đế Ba la Yết đế Ba la tăng Yết đế

गते गते पारगते पारसंगते

「Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate

Gone Gone Gone beyond Gone completely beyond

菩提 僧莎訶」

Bồ-đề Tát bà ha 」

Bồ-đề Tát bà ha 」

बोधि स्वाहा

Bodhi svāhā 」

Praise to Enlightenment

=====